

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tư và bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quý H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn X, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị U, sinh năm 1978; nơi cư trú cuối cùng: Thôn X, xã N, tỉnh Lâm Đồng – Được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-5-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Quý H trình bày:

Ông và bà Trần Thị U đăng ký kết hôn ngày 01-10-2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng) trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu ông bà chung sống bình thường nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà U đã bỏ nhà đi khoảng 07-08 năm nay và không liên lạc gì với ông, ông không biết bà U hiện đang ở đâu, làm gì. Tại Quyết định số: 55/2022/QĐST-VDS ngày 24-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng) đã tuyên bố bà U mất tích. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà U.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Lê Bảo H1 (sinh ngày 18-7-2014), từ lúc bà U bỏ đi một mình ông nuôi con cho đến nay. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 đến tuổi thành niên. Không yêu cầu bà U phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Trần Thị U nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà U đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà U.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quý H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quý H được ly hôn với bà Trần Thị U.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Bảo H1 (sinh ngày 18-7-2014) cho ông Lê Quý H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Ông Lê Quý H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thôn X, xã N, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.3]. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quý H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông H và bà U đăng ký kết hôn ngày 01-10-2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà U đã bỏ nhà đi khoảng 07-08 năm nay và không liên lạc gì với ông H, ông H không biết hiện nay bà U đang ở đâu, làm gì. Tại Quyết định số: 55/2022/QĐST-VDS ngày 24-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng*) đã tuyên bố bà U mất tích. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bà U lấy lời khai và tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng bà U đều vắng mặt, ông H xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ và cương quyết ly hôn. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông H và bà U lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn với bà U.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1]. Ông H xác định ông và bà U có 01 con chung là cháu Lê Bảo H1 (*sinh ngày 18-7-2014*). Khi ly hôn, ông H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 đến tuổi thành niên.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản ghi nhận ý kiến ngày 08-7-2025, cháu H1 trình bày sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được sống với bố. Mặt khác, bà U đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, hiện nay không biết bà U đang ở đâu, làm gì, khi nào trở về, từ khi bà U bỏ đi đến nay thì cháu H1 sống với ông H. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cháu H1, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục, gây ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, đồng thời cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu H1 muốn được sống cùng bố nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H1 cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp.

[2.2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà U phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); áp dụng khoản 2 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quý H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quý H được ly hôn với bà Trần Thị U.

1.2. Về con chung:

1.2.1. Giao con chung là cháu Lê Bảo H1 (*sinh ngày 18-7-2014*) cho ông Lê Quý H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Quý H không yêu cầu bà Trần Thị U phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Quý H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Quý H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 11-6-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- UBND xã N, tỉnh Lâm Đồng (*đăng ký số 57/2009 ngày 01-10-2009 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Trang